

Mã chương : 622
Đơn vị : TRƯỜNG TH PHAN HUY ÍCH
Mã DVQHNS : 1129238
Mã cấp NS : 3

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/DVDT

BẢNG ĐỔI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 1 / Năm 2021

Mã nguồn NS	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3=4	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072		0	446.643.000	446.643.000	446.643.000	446.643.000	150.956.853	150.956.853				295.686.147
13	072		0	4.058.189.000	4.058.189.000	4.058.189.000	4.058.189.000	805.021.823	805.021.823				3.253.167.177
14	072		0	3.382.476.000	3.382.476.000	3.382.476.000	3.382.476.000	344.416.084	344.416.084				3.038.059.916
Cộng			0	7.887.308.000	7.887.308.000	7.887.308.000	7.887.308.000	1.300.394.760	1.300.394.760	0	0	0	6.586.913.240

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm

Kế toán

Kế toán trưởng

02-04-2021

(Ký tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 03 năm 2021

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Đoàn Thanh Hiếu Nghĩa

Đỗ Ngọc Đào

≡/



1927



Mã chương : 622
 Đơn vị : TRƯỜNG TH PHAN HUY ÍCH
 Mã DVQHNS : 1129238
 Mã cấp NS : 3

Mẫu số 20c
 Ký hiệu: 02a-SDKP/BVDT

BẢNG ĐỔI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 / Năm 2021

Đơn vị : TRƯỜNG TH PHAN HUY ÍCH
 Mã DVQHNS : 1129238
 Mã chương : 622
 Mã cấp NS : 3

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NS	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
KP không thường xuyên	12	072			0	0	150.956.853	150.956.853	150.956.853	150.956.853
			6115				67.114.563	67.114.563	67.114.563	67.114.563
			6303				1.342.290	1.342.290	1.342.290	1.342.290
			6449				82.500.000	82.500.000	82.500.000	82.500.000
Kinh phí thường xuyên	13	072			0	0	805.021.823	805.021.823	805.021.823	805.021.823
			6001				464.422.199	464.422.199	464.422.199	464.422.199
			6003				16.000.000	16.000.000	16.000.000	16.000.000
			6101				7.078.502	7.078.502	7.078.502	7.078.502
			6112				153.509.433	153.509.433	153.509.433	153.509.433
			6113				363.000	363.000	363.000	363.000
			6115				1.473.778	1.473.778	1.473.778	1.473.778
			6301				94.515.582	94.515.582	94.515.582	94.515.582
			6302				16.202.671	16.202.671	16.202.671	16.202.671
			6303				9.459.489	9.459.489	9.459.489	9.459.489
			6304				5.251.794	5.251.794	5.251.794	5.251.794
			6449				510.000	510.000	510.000	510.000
			6501				18.485.521	18.485.521	18.485.521	18.485.521
			6502				363.745	363.745	363.745	363.745
			6601				436.109	436.109	436.109	436.109
			6605				600.000	600.000	600.000	600.000
			6704				6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NS	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
KP thực hiện CCTL			6757				6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
			6758				350.000	350.000	350.000	350.000
			7004				4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000
	14	072			0	0	344.416.084	344.416.084	344.416.084	344.416.084
			6001				107.469.600	107.469.600	107.469.600	107.469.600
			6101				1.638.000	1.638.000	1.638.000	1.638.000
			6112				35.522.844	35.522.844	35.522.844	35.522.844
			6113				84.000	84.000	84.000	84.000
			6115				15.871.683	15.871.683	15.871.683	15.871.683
			6301				21.871.374	21.871.374	21.871.374	21.871.374
		6302				3.749.379	3.749.379	3.749.379	3.749.379	
		6303				2.499.588	2.499.588	2.499.588	2.499.588	
		6304				1.215.292	1.215.292	1.215.292	1.215.292	
		6449				154.494.324	154.494.324	154.494.324	154.494.324	
		Cộng:			0	0	1.300.394.760	1.300.394.760	1.300.394.760	1.300.394.760

Phần DVSDNS ghi:

[illegible]

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần ĐVSDNS ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm 20.....

02-04-2021

Kế toán

Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên) đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 31 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên đóng dấu)

Đoàn Thanh Hiếu Nghĩa

Đỗ Ngọc Đào